

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN M
TỈNH L
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Hồ Thị L3.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 107/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Vũ L4, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Cả Đ, xã Tân Th, huyện M, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị Yến N, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp Cả Đ, xã Tân Th, huyện M, tỉnh L.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Vũ L4: Ông Huỳnh Vũ L4 yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị Yến N; về con chung, không có con chung, không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung ông L4 không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bà Lý Thị Yến N: Bà N không đồng ý ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do Ông Huỳnh Vũ L4 cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của Ông L4 (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai.

Chứng cứ do bà Lý Thị Yến N cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Ông L4 và bà N trình bày thống nhất: Ông L4 và bà N quen biết nhau khoảng hơn 01 tháng thì quyết định kết hôn. Do chờ thời gian xác minh nên khoảng 06 tháng thì cưới và đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Tân Th, huyện M, tỉnh L. Vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng gần 07 tháng. Ông L4 và bà N không đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Ông L4 và bà N trình bày không thống nhất:

Ông L4 trình bày quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm về lối sống, suy nghĩ, nhận thức. Ông L4 xét thấy không còn tình cảm đủ để chung sống được với bà N.

Bà N trình bày ông L4 không tôn trọng cuộc hôn nhân này, xem cuộc hôn nhân này như trò đùa; ông L4 không tôn trọng bà N, xem bà N như vật bỏ đi nhưng bà N vẫn cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, bà N còn thương ông L4, không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Vũ L4 và bà Lý Thị Yến N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L4 khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của Ông Huỳnh Vũ L4 đối với bà Lý Thị Yến N:

Ông L4 trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Bà N thừa nhận trong thời gian chung sống có bất đồng về quan điểm sống nên cả hai đã ly thân khoảng gần 07 tháng. Bà N trình bày ông L4 không

tôn trọng cuộc hôn nhân này, xem cuộc hôn nhân này như trò đùa; ông L4 không tôn trọng bà N, xem bà N như vật bỏ đi nhưng bà N vẫn cho rằng mâu thuẫn là không trầm trọng. Qua trình bày của ông L4 và bà N thể hiện mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, việc chung sống giữa ông L4 và bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, cả hai không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Ông L4 xác định không còn tình cảm với bà N, bà N không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa ông L4 và bà N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L4 đối với bà N.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông L4 và bà N thống nhất không có yêu cầu giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung nên căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Ông Huỳnh Vũ L4 phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Vũ L4 đối với bà Lý Thị Yến N, cho ông L4 được ly hôn bà N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Huỳnh Vũ L4 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn)

đồng án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà ông L4 đã nộp theo biên lai số 0003223 ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, ông L4 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Huỳnh Vũ L4 và bà Lý Thị Yến N có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã Tân Th, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1